|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:……/20../NQ-HĐND | *Trà Vinh, ngày……tháng…..năm 20….* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo,**

**hộ cận nghèo mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**KHÓA X – KỲ HỌP THỨ……**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;*

*Xét Tờ trình số …./TTr-UBND ngày... tháng... năm 20… của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

 **Điều 1.** Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Đối tượng: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận mới thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 – 2025.

2. Phạm vi áp dụng: Trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: Hỗ trợ 80% mức đóng bảo hiểm y tế. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

4. Thời gian hỗ trợ: 03 năm sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo vượt chuẩn cận nghèo. Trường hợp người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đã thoát nghèo trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thì được hỗ trợ trong thời gian còn lại, thời gian hỗ trợ thấp nhất là 01 năm.

5. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến hết năm 2028.

6. Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh, nguồn hợp pháp khác.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - Kỳ họp thứ ... thông qua ngày .... tháng .... năm 20.... và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng .... năm 20...../.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTVQH, Chính phủ;- Các Bộ: Tư pháp, LĐTBXH, Tài chính,  BHXH Việt Nam;- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;- Kiểm toán Nhà nước - Khu vực IX;- TT.TU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;- Các Sở: Tư pháp, LĐTBXH, Tài chính,  BHXH tỉnh, Cục thuế, Cục TK tỉnh;- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;- TT.HĐND huyện, UBND cấp huyện;- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;- Trung tâm TH - Công báo tỉnh;- Website Chính phủ;- Lưu: VT, TH. | **CHỦ TỊCH** |